CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 1 - VINACONEX
Địa chỉ: D9 - Khuất Duy Tiến - TXBắc - Thanh xuân - Hà nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT NĂM 2009 (ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN)

A . BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

STT	Nội dung	31/12/2008	31/12/2009
I	**Tài sản ngắn hạn**	**517.690.875.123**	**592.801.817.380**
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	30.501.607.246	86.831.583.500
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	269.326.357.490	189.340.438.346
4	Hàng tồn kho	215.843.438.608	315.612.196.253
5	Tài sản ngắn hạn khác	2.019.471.779	1.017.599.281
II	**Tài sản dài hạn**	**51.470.847.593**	**75.931.905.471**
1	Các khoản phải thu dài hạn		
2	Tài sản cố định	32.961.555.862	37.334.800.495
	- TSCĐ hữu hình	10.199.294.692	28.176.516.566
	- TSCĐ thuê tài chính		
	- TSCĐ vô hình	5.687.500	8.647.277.147
	- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	22.756.573.670	511.006.782
3	Bất động sản đầu tư		
4	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	15.497.000.000	36.645.052.901
5	Tài sản dài hạn khác	3.012.291.731	1.952.052.075
III	**TỔNG CỘNG TÀI SẢN**	**569.161.722.716**	**668.733.722.851**
IV	**Nợ phải trả**	**421.247.861.885**	**496.274.809.136**
1	Nợ ngắn hạn	407.579.898.899	489.850.130.750
2	Nợ dài hạn	13.667.962.986	6.424.678.386
V	**Vốn chủ sở hữu**	**147.913.860.831**	**172.458.913.715**
1	Vốn chủ sở hữu	146.852.225.157	169.100.792.470
	- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	74.000.000.000	74.000.000.000
	- Thặng dư vốn cổ phần	32.364.960.000	32.364.960.000
	- Vốn khác của chủ sở hữu		
	- Cổ phiếu quỹ (*)		
	- Chênh lệch đánh giá lại tài sản		
	- Chênh lệch tỷ giá hối đoái		
	- Các quỹ	25.866.977.035	32.419.113.035
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	14.620.288.122	30.316.719.435
	- Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản		
2	Nguồn kinh phí và quỹ khác	1.061.635.674	3.358.121.245
	- Quỹ khen thưởng, phúc lợi	1.061.635.674	3.358.121.245
	- Nguồn kinh phí		
	- Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		
VI	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	569.161.722.716	668.733.722.851

B. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

STT	Nội dung	Năm 2008	Năm 2009
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	408.851.170.004	424.469.243.301
2	Các khoản giảm trừ doanh thu		
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	408.851.170.004	424.469.243.301
4	Giá vốn hàng bán	384.439.225.032	388.958.714.414
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	24.411.944.972	35.510.528.887
6	Doanh thu hoạt động tài chính	19.305.669.931	21.423.805.785
7	Chi phí tài chính	10.582.903.405	4.168.014.177
8	Chi phí bán hàng		
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	13.179.081.695	10.829.354.879
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	19.955.629.803	41.936.965.616
11	Thu nhập khác	8.423.247.445	796.821.052
12	Chi phí khác	4.031.894.052	2.061.797.049
13	Lợi nhuận khác	4.391.353.393	-1.264.975.997
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	24.346.983.196	40.671.989.619
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.111.890.158	10.355.270.184
16	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	21.235.093.038	30.316.719.435
17	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.745	4.097
18	Cổ tức trên mỗi cổ phiếu	15%	15%

C. CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CƠ BẢN

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Năm 2008	Năm 2009
1	Cơ cấu tài sản			
	- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	9,04	11,35
	- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	90,96	88,65
2	Cơ cấu nguồn vốn			
	- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	74,01	74,21
	- Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	25,99	25,79
3	Khả năng thanh toán			
	- Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,74	0,56
	- Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	1,23	1,19
4	Tỷ suất lợi nhuận			
	- Tỷ suất LN sau thuế/Tổng tài sản	%	3,73	4,53
	- Tỷ suất LN sau thuế/Doanh thu thuần	%	5,19	7,14
	- Tỷ suất LN sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu	%	14,36	17,58

Ngày 24 tháng 02 năm 2010

Tổng giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 1

TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thạc Kim